

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Minh Tâm	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Ngô Duy Chính	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Minh Tâm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 070323.007/BCTC.KT5 ngày 07/03/2023 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu, phải trả, vốn góp đầu tư và giá trị thuần có thể thực hiện được của một số công trình xây lắp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục do đó chúng tôi tiếp tục đưa kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, cụ thể như sau:

Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 với giá trị lần lượt là 29,17 tỷ VND và 11,98 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 với giá trị lần lượt là: 25,53 tỷ VND và 13,96 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 30/06/2023 là 14,73 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

Chúng tôi không đánh giá được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá trị thuần có thể thực hiện được, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện sông Hậu 1, chung cư Trần Anh - Long An. Giá trị dở dang của 03 công trình này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Hàng tồn kho" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 với giá trị lần lượt là 61,21 tỷ VND và 62,86 tỷ VND (xem thuyết minh 9).

Chúng tôi không xác định được khả năng thu hồi và khoản dự phòng cần trích lập đối với khoản vốn góp đầu tư vào dự án Dolphin Plaza. Khoản vốn góp này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023 với cùng giá trị là 27,2 tỷ VND (xem thuyết minh 13).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1


Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		229.199.072.248	246.228.554.618
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.304.412.408	9.264.002.143
111	1. Tiền		3.004.412.408	2.792.393.915
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.300.000.000	6.471.608.228
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	53.289.315.068	53.289.315.068
121	1. Chứng khoán kinh doanh		300.000.000	300.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52.989.315.068	52.989.315.068
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.965.122.672	89.891.738.349
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	60.919.872.692	64.391.114.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.434.848.846	13.893.517.046
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.737.564.966	32.234.270.677
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.127.163.832)	(20.627.163.832)
140	IV. Hàng tồn kho	9	73.460.197.144	87.291.118.458
141	1. Hàng tồn kho		73.460.197.144	87.291.118.458
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.180.024.956	6.492.380.600
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		50.286.251	9.599.227
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.044.693.905	6.397.736.573
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	85.044.800	85.044.800
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		86.853.784.927	77.759.305.242
220	I. Tài sản cố định		13.458.796.974	17.450.506.197
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.458.796.974	17.450.506.197
222	- Nguyên giá		25.439.546.297	29.894.821.820
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.980.749.323)	(12.444.315.623)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		140.846.000	140.846.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.846.000)	(140.846.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	23.905.328.908	11.696.733.792
231	- Nguyên giá		28.512.564.408	15.032.025.756
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.607.235.500)	(3.335.291.964)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.079.143.617	21.079.143.617
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		48.428.000.000	48.428.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(27.348.856.383)	(27.348.856.383)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		28.410.515.428	27.532.921.636
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.177.210.988	299.617.196
268	2. Tài sản dài hạn khác	13	27.233.304.440	27.233.304.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		316.052.857.175	323.987.859.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		91.406.820.243	96.756.212.137
310	I. Nợ ngắn hạn		91.406.820.243	96.756.212.137
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	29.075.621.894	31.468.125.934
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	6.329.410.934	10.447.083.598
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	70.125.287	71.958.705
314	4. Phải trả người lao động		2.644.289.246	2.758.805.164
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.725.143.514	4.749.179.514
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		160.960.238	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	47.631.531.435	47.261.059.222
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	769.737.695	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		224.646.036.932	227.231.647.723
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	224.646.036.932	227.231.647.723
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		500.000.000.000	500.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.344.727.377	18.344.727.377
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.531.782.406	5.531.782.406
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(299.230.472.851)	(296.644.862.060)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(296.644.862.060)	(298.503.115.261)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(2.585.610.791)	1.858.253.201
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		316.052.857.175	323.987.859.860


Lê Thị Nguyên
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng


Phan Minh Tâm
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2023	năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	10.067.296.960	22.211.032.945
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.067.296.960	22.211.032.945
11	3. Giá vốn hàng bán	23	10.142.890.323	16.777.760.972
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(75.593.363)	5.433.271.973
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.216.292.260	1.588.335.436
22	6. Chi phí tài chính	25	4.953.825	83.015.908
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.953.825	-
25	7. Chi phí bán hàng		133.514.581	155.438.498
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.643.349.266	2.994.262.673
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.641.118.775)	3.788.890.330
31	10. Thu nhập khác		88.023.838	43.713.805
32	11. Chi phí khác	27	32.515.854	382.243.056
40	12. Lợi nhuận khác		55.507.984	(338.529.251)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.585.610.791)	3.450.361.079
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(2.585.610.791)</u>	<u>3.450.361.079</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(52)	69


Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng




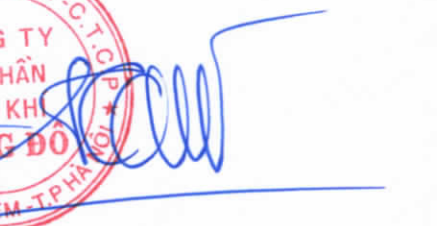

Phan Minh Tâm
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2023	năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(2.585.610.791)	3.450.361.079
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		808.377.236	507.603.425
03	- Các khoản dự phòng		(500.000.000)	(1.916.984.092)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.216.292.260)	(1.588.335.436)
06	- Chi phí lãi vay		4.953.825	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.488.571.990)	452.644.976
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(481.051.668)	(1.021.690.847)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.805.658.185	3.058.269.518
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(6.124.083.414)	(6.141.124.085)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(918.280.816)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(82.627.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.206.329.703)	(3.734.527.638)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.477.002.273	202.417.957
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.477.002.273	202.417.957
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		769.737.695	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		769.737.695	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.959.589.735)	(3.532.109.681)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.264.002.143	21.830.162.655
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.304.412.408</u>	<u>18.298.052.974</u>


Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu


Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng


Phan Minh Tâm
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng); tương đương 50.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 32 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 32 người).

Lĩnh vực kinh doanh Kinh doanh bất động sản, tư vấn xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ cho các công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường, hạ tầng kỹ thuật hạ tầng cơ sở;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường (không bao gồm các dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổng thầu EPC các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường;
- Ủy thác và nhận ủy thác đầu tư;
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu và các hoạt động khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty được cải thiện phần nào, Công ty đã quyết toán được công trình Hàm Cường với giá trị 5,4 tỷ VND. Bên cạnh đó Công ty cũng nhận được tiền từ dự án Đắc Lắc với giá trị 1,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu, giá vốn kỳ này vẫn thấp hơn cùng kỳ năm 2022 do trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất tại xã Nhuận Trạch, Lương Sơn, Hòa Bình với doanh thu là 8,5 tỷ VND và giá vốn tương ứng là 4,3 tỷ VND.

Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty có các khoản nợ phải trả nhà cung cấp đã quá hạn thanh toán số tiền 24,6 tỷ VND; phải trả tiền cổ tức chưa trả số tiền 45,4 tỷ VND, doanh thu kỳ kế toán năm 2023 giảm 11,7 tỷ VND so cùng kỳ năm 2022, lỗ lũy kế của Công ty là 299,2 tỷ VND, lưu chuyển tiền thuần trong kỳ là âm 4,9 tỷ. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì lý do sau:

- Trong kỳ, Công ty đã thu hồi thêm được 500 triệu VND công nợ của Công ty Cổ phần Hasky và tiếp tục làm việc để đưa ra phương án thu hồi hết khoản nợ này trong thời gian sắp tới.
- Trong kỳ công ty trúng thầu và quyết toán được dự án mới (dự án Đắc Lắc).

- Công ty có phương hướng kinh doanh mới là đầu tư kinh doanh bất động sản tại thôn 6, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng công ty	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Chi nhánh miền Nam	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	42 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 10 năm

2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	42 năm
--------------------------	--------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ

dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 03 năm.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí các dự án, công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.20 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các hoạt động xây lắp phụ trợ, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.186.403.386	2.373.531.459
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	818.009.022	418.862.456
Các khoản tương đương tiền (*)	1.300.000.000	6.471.608.228
	4.304.412.408	9.264.002.143

(*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 1.300.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 3,8%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn	52.989.315.068	-	52.989.315.068	-
	52.989.315.068	-	52.989.315.068	-

Tại ngày 30/06/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có tổng giá trị 52.989.315.068 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 5,2%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	30/06/2023		01/01/2023	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty CP SDP	SDP	300.000.000	-	300.000.000	-
		300.000.000	-	300.000.000	-

Đây là số cổ phiếu mà Công ty nhận ủy thác từ các cá nhân trước đây từng làm việc tại Công ty theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư chứng khoán sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân nêu trên. Do đó, Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư tài chính này. Số tiền Công ty nhận ủy thác của các cá nhân được theo dõi trên khoản mục phải trả khác (chi tiết tại thuyết minh 18), cụ thể như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lê Văn Sinh	75.000.000	75.000.000
Trần Anh Đức	75.000.000	75.000.000
Trần Quốc Trường	150.000.000	150.000.000
	<u>300.000.000</u>	<u>300.000.000</u>

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty CP Tây Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty CP dầu khí Bình Sơn	22.100.000.000	(4.289.320.696)	22.100.000.000	(4.289.320.696)
- Công ty CP Đầu tư Hải Đăng	328.000.000	(59.535.687)	328.000.000	(59.535.687)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000	(20.000.000.000)
- Công ty CP PEC Hà Nội (4.1)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
	<u>48.428.000.000</u>	<u>(27.348.856.383)</u>	<u>48.428.000.000</u>	<u>(27.348.856.383)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(4.1) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần PEC Hà Nội (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí) với số tiền là 3 tỷ VND, tương đương 6% vốn điều lệ tại Công ty này. Theo Nghị quyết số 05/NQ-DKĐĐ-HĐQT ngày 20/03/2013 của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tìm đối tác chuyển nhượng số cổ phần trên để thu hồi vốn trong thời gian ngắn nhất. Hiện tại công ty đang hoàn thiện thủ tục phá sản, Ban giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Tây Hà Nội	Ngõ Máy Kéo, Khu Liên Cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	11,90%	11,90%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP dầu khí Bình Sơn	Số 33 Hai Bà Trưng, Lê Hồng Phong, Quảng Ngãi	6,05%	6,05%	Xây dựng công nghiệp, dân dụng trong, ngoài ngành dầu khí, buôn bán các mặt hàng trong ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Hải Đặng	Số 44-46 Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa	6,56%	6,56%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê
Công ty CP khách sạn Lam Kinh	KĐT Đông Hương, phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa	10,50%	10,50%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
Công ty CP PEC Hà Nội	Tầng 13, tòa nhà HH3, khu đô thị Mỹ Đình Sông Đà, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	6,00%	6,00%	Xây dựng

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	18.651.173.759	(200.000.000)	18.163.661.887	(200.000.000)
Công ty CP Đầu tư Song Kim	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
Công ty CP Địa ốc Phú Long (2)	7.830.000.000	-	7.830.000.000	-
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	6.438.104.630	-	5.947.962.658	-
Chi nhánh phía Bắc - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.453.487.908	-	2.453.487.908	-
Ban điều hành phía Nam - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt	1.331.703.392	-	1.334.333.492	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí	397.877.829	-	397.877.829	-
Bên khác	42.268.698.933	(5.225.255.782)	46.227.452.571	(5.225.255.782)
Công ty CP TID (1)	19.604.536.064	(2.156.107.213)	19.604.536.064	(2.156.107.213)
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc (2)	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	1.897.500.000	-	1.897.500.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	4.030.422.000	-	7.690.464.896	-
Các đối tượng khác	13.286.240.869	(3.069.148.569)	13.584.951.611	(3.069.148.569)
	60.919.872.692	(5.425.255.782)	64.391.114.458	(5.425.255.782)

(1) Khoản phải thu tiền hoa hồng môi giới liên quan đến hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới số 239/HDDV/TID-PVFC Land ngày 09/08/2010 và Phụ lục 01 kèm theo thuộc Dự án Dolphin Plaza ký giữa Sàn giao dịch bất động sản của Công ty với Công ty Cổ phần TID ("TID"). Tỷ lệ hoa hồng môi giới Công ty được hưởng là 10% trên giá trị mua bán căn hộ trước thuế. Trong đó, TID sẽ thanh toán trước theo tiến độ nộp tiền của khách hàng tương ứng tỷ lệ 2%, phần còn lại sẽ được thanh toán khi quyết toán dự án. Đến thời điểm hiện tại Công ty đã bán được 43 căn hộ tương

đương với tổng giá trị Hợp đồng mua bán căn hộ đã bao gồm thuế GTGT đã nghiệm thu là 239.915.896.707 VND. Do đó phí hoa hồng môi giới Công ty CP Dầu khí Đông Đô được hưởng tương ứng với 10% giá trị Hợp đồng mà khách hàng đã ký với TID là 21.810.536.064 VND. Trong đó, TID sẽ thanh toán trước theo tiến độ nộp tiền của khách hàng tương ứng tỷ lệ 2% phí hoa hồng môi giới là 4.362.107.213 VND, số tiền còn lại sẽ được thanh toán khi quyết toán dự án. Theo Biên bản làm việc ngày 03/03/2020, TID sẽ thực hiện thống nhất số liệu, hoàn thành công tác kiểm toán dự án Dolphin Plaza. Đến thời điểm 30/06/2023, dự án vẫn chưa quyết toán, do đó Công ty chỉ trích lập dự phòng cho khoản phải thu tương ứng với 2% giá trị mua bán căn hộ đã ký hợp đồng.

(2) Khoản phải thu về giá trị thương quyền theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 61/2009/BCC ngày 25/12/2009 mà Công ty phải thu của ba đơn vị này khi quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án Tòa nhà Văn phòng tại số 160 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ("Dự án") được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hoặc khi Dự án được cấp phép đầu tư. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô chiếm 41%, Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh chiếm 11%, Công ty CP địa ốc Phú Long chiếm 28% và Công ty CP tập đoàn đầu tư Tiến Lộc chiếm 20%. Theo thỏa thuận giữa các bên, Công ty CP Dầu khí Đông Đô là chủ đầu tư dự án Tòa nhà Văn phòng Trần Quang Khải.

Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long đã ký hợp đồng số 01/HĐCN/DKĐĐ-PL ngày 04/01/2017 về việc chuyển nhượng quyền vốn góp của Công ty tại dự án này sang cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long. Theo đó, Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long cam kết sẽ thanh toán 50% phần giá trị thương quyền còn lại của ba đơn vị cho Công ty sau khi Nhà in báo Nhân dân (Chủ đầu tư) ký hợp đồng hợp tác trực tiếp với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (hoặc một pháp nhân do Phú Long chỉ định), 50% còn lại sau khi quy hoạch 1/500 của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phần giá trị thương quyền Công ty CP Dầu khí Đông Đô được thanh toán theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 61/2009/BCC ngày 25/12/2009 là 20,355 tỷ đồng, hiện tại đã thu được 7,178 tỷ đồng số tiền còn phải thu là 13,177 tỷ đồng.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Sông Đà Thăng	520.000.000	(520.000.000)	520.000.000	(520.000.000)
Công ty CP GeoVietnam (i)	15.305.900.000	-	11.225.900.000	-
Các đối tượng khác	1.608.948.846	(80.564.800)	2.147.617.046	(80.564.800)
	17.434.848.846	(600.564.800)	13.893.517.046	(600.564.800)

(i) Khoản tiền đã trả cho Công ty Cổ phần GeoVietnam để đặt cọc giữ chỗ theo Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 3011/2021/HĐĐKĐC-GEO-DKĐĐ ngày 30/11/2021, Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 28.2022/HĐĐKĐC/GEO-DKĐĐ ngày 25/11/2022 và Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 1723/2023/HĐĐKĐC/GEO-DKĐĐ thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn 6, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về tạm ứng	16.576.490.579	-	15.419.328.663	-
Ký cược, ký quỹ	464.267.712	-	496.267.712	-
Phải thu khác	16.696.806.675	(14.101.343.250)	16.318.674.302	(14.601.343.250)
- Công ty CP Hasky(1)	8.800.000.000	(8.800.000.000)	9.300.000.000	(9.300.000.000)
- Ứng vốn cho dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia (2)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi	2.066.467.580	-	1.327.177.593	-
- Các khoản khác	830.339.095	(301.343.250)	691.496.709	(301.343.250)
	33.737.564.966	(14.101.343.250)	32.234.270.677	(14.601.343.250)
b) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty CP Hasky (1)	8.800.000.000	(8.800.000.000)	9.300.000.000	(9.300.000.000)
Công ty CP Thiên Phúc Gia (2)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Hoàng Khắc Hợi	6.235.239.081	-	5.810.183.905	-
Các đối tượng khác	13.702.325.885	(301.343.250)	12.124.086.772	(301.343.250)
	33.737.564.966	(14.101.343.250)	32.234.270.677	(14.601.343.250)

(1) Đây là khoản phải thu Công ty Cổ phần Hasky (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình) theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2017/BBTL ngày 25/08/2017. Cụ thể:

- Công ty đã rút vốn khỏi dự án "Khu du lịch sinh thái và dịch vụ Cừu Long" và Công ty Cổ phần Hasky chấp nhận trả toàn bộ số tiền 46 tỷ VND mà Công ty đã góp vào dự án.
- Trong kỳ Công ty đã thu lại được của Công ty Cổ phần Hasky 500 triệu VND. Số dư còn phải thu tại ngày 30/06/2023 liên quan đến dự án này là 8,8 tỷ VND.
- Ban giám đốc Công ty đã có kế hoạch làm việc với Công ty Cổ phần Hasky để có phương án sớm thu hồi khoản công nợ nói trên.

(2) Đây là khoản phải thu về ứng vốn liên doanh với công ty CP Thiên Phúc Gia theo biên bản hợp tác ngày 29/11/2007. Ngày 30/05/2008, Công ty Đông Đô đã gửi công văn số 73/CV-BDS TCDK - ĐT về việc nhắc ngày tới hạn để thực hiện các nghĩa vụ tại Biên bản hợp tác.

Ngày 06/07/2008 và ngày 11/09/2008, Công ty Thiên Phúc Gia đã có công văn trả lời công văn số 73/CV-BDS TCDK - ĐT nêu trên, nội dung về việc báo cáo tình hình thực hiện dự án và xin gia hạn về thời gian hoàn thiện thủ tục.

Ngày 16/09/2008, hai bên đã tiến hành họp và Công ty Đông Đô đã thể hiện quan điểm cụ thể như sau: "yêu cầu Công ty CP Hoàng Liên (nay là Công ty Thiên Phúc Gia) hoàn trả lại cho PVFC Land (nay là Công ty Đông Đô) số tiền đã tạm ứng (7 tỷ đồng) và lãi được tính từ ngày 29/11/2007 theo lãi suất tiền gửi 06 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày thanh toán."

Sau đó, Công ty CP dầu khí Đông Đô đã gửi rất nhiều công văn để yêu cầu Công ty CP Thiên Phúc Gia hoàn trả tiền tạm ứng. Tuy nhiên, từ thời điểm Công ty Đông Đô gửi công văn đầu tiên là ngày 22/09/2008 đến ngày 12/09/2019 để yêu cầu Công ty Thiên Phúc Gia hoàn trả tiền tạm ứng thì Công ty Thiên Phúc gia chỉ mới hoàn trả số tiền 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng) trên tổng số tiền tạm ứng nêu trên. Số tiền tạm ứng còn lại mà Công ty Thiên Phúc Gia còn nợ Công ty Đông Đô là 5.000.000.000 VNĐ (năm tỷ đồng)

Ngày 21/07/2023, Toàn án nhân dân quận 3 thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra thông báo số 94/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh

Đến nay công ty CP Thiên Phúc Gia vẫn chưa hoàn trả khoản tiền 5 tỷ đồng cho công ty CP Dầu khí Đông Đô.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Hasky	8.800.000.000	-	9.300.000.000	-
Công ty CP TID	19.604.536.064	17.448.428.851	19.604.536.064	17.448.428.851
Công ty CP Dầu tư Xây lắp Dầu khí	1.458.245.941	-	1.458.245.941	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	2.712.810.678	-	2.712.810.678	-
	37.575.592.683	17.448.428.851	38.075.592.683	17.448.428.851

9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	30.036.364	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	70.409.262.171	-	74.683.721.424	-
Hàng hoá	3.020.898.609	-	12.607.397.034	-
Căn hộ Dragon Hill	1.745.700.000	-	1.745.700.000	-
3 căn hộ Dolphin Plaza	-	-	9.000.000.000	-
Hàng hóa khác	1.275.198.609	-	1.861.697.034	-
	73.460.197.144	-	87.291.118.458	-

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (1)	29.073.919.041	27.447.428.587
- Dự án Nhiệt điện sông Hậu 1 (2)	15.597.859.544	15.602.577.245
- Dự án Chung cư Trần Anh - Long An (3)	18.160.509.541	18.160.509.541
- Công trình Hàm Cường	-	5.928.261.370
- Các dự án khác	7.576.974.045	7.544.944.681
	70.409.262.171	74.683.721.424

(1) Công ty đã ký hợp đồng thi công xây lắp với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bao gồm 03 hợp đồng là Hợp đồng số 0101/HĐTC/CNPB-PVC Đông Đô ngày 16/06/2015, Hợp đồng số 32/2016/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô và hợp đồng số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô ngày 25/07/2016, trong đó:

- Phạm vi công việc: Xây dựng nhà điều khiển, gia cố tuyến đê và các công trình phụ trợ;
- Tổng giá trị các hợp đồng: 169.236.587.336 VND;

- Tiến độ thi công: Đã thực hiện được trên 95% giá trị theo Hợp đồng;
- Tình trạng dự án: Hiện công trình đã đưa vào hoạt động chạy thử, công ty đang lập hồ sơ quyết toán công trình. Hiện nay phần chi phí còn lại chủ yếu là phần chi phí vượt chi phí dự toán chưa được phê duyệt chờ quyết toán.

(2) Công ty đã ký hợp đồng số XD02C/SH1-PVC-PVC.Đông Đô ngày 10/10/2016 với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt nam (PVC), trong đó:

- Phạm vi công việc: Gia công lắp dựng cốt thép móng, các hạng mục bê tông sàn và một số hạng mục phụ khác;
- Tổng giá trị hợp đồng: 24.153.652.936 VND;
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành.
- Tình trạng dự án: Công ty đã ghi nhận doanh thu lũy kế là 15,8 tỷ đối với toàn bộ khối lượng trong hợp đồng, phần còn lại đang theo dõi trên khoản mục này là chi phí phát sinh (không có trong thiết kế ban đầu) và ngoài dự toán. Đến nay, Công ty vẫn chưa thống nhất được với chủ đầu tư về giá trị thanh toán khoản vượt dự toán này.

(3) Công ty đã ký các Hợp đồng thi công xây lắp với Công ty Cổ phần Bất động sản Trần Anh Long An, trong đó:

- Phạm vi công việc: Xây dựng nhà phố thương mại và Block chung cư;
- Tổng giá trị hợp đồng: 107.156.841.708 VND;
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành.
- Tình trạng dự án: Dự án đang trong quá trình quyết toán với chủ đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2023, hợp đồng và dự toán cho các công trình này vẫn đang được xem xét, điều chỉnh nên Ban giám đốc chưa đánh giá được các công trình này có cần thiết phải trích lập dự phòng hay không.

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	19.670.699.771	2.242.658.889	3.824.891.419	4.156.571.741	29.894.821.820
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(4.455.275.523)	-	-	-	(4.455.275.523)
Số dư cuối kỳ	15.215.424.248	2.242.658.889	3.824.891.419	4.156.571.741	25.439.546.297
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4.468.569.759	74.755.297	3.744.418.826	4.156.571.741	12.444.315.623
- Khấu hao trong kỳ	237.156.994	224.265.894	68.976.516	-	530.399.404
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(993.965.704)	-	-	-	(993.965.704)
Số dư cuối kỳ	3.711.761.049	299.021.191	3.813.395.342	4.156.571.741	11.980.749.323
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	15.202.130.012	2.167.903.592	80.472.593	-	17.450.506.197
Tại ngày cuối kỳ	11.503.663.199	1.943.637.698	11.496.077	-	13.458.796.974

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 6.740.744.978 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 6.307.147.251 VND);

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm với Nguyên giá và Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023 là 140.846.000 VND.

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Văn phòng cho thuê VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	15.032.025.756	15.032.025.756
- Tăng do chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	4.455.275.523	4.455.275.523
- Tăng do chuyển từ hàng tồn kho sang	9.025.263.129	9.025.263.129
Số dư cuối kỳ	28.512.564.408	28.512.564.408
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	3.335.291.964	3.335.291.964
- Khấu hao trong kỳ	277.977.832	277.977.832
- Tăng do chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	993.965.704	993.965.704
Số dư cuối kỳ	4.607.235.500	4.607.235.500
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	11.696.733.792	11.696.733.792
Tại ngày cuối kỳ	23.905.328.908	23.905.328.908

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza (1)	27.233.304.440	27.233.304.440
	27.233.304.440	27.233.304.440

(1) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 0211/2010/HĐHTKD ngày 02/11/2010 ký giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID ("TID"):

- Mục đích đầu tư: Xây dựng công trình Dolphin Plaza tại số 28 đường Trần Bình, phường Mỹ Đình, quận Từ Liêm, Hà Nội;
- Tổng giá trị hợp đồng: 268.706.631.405 VND, trong đó vốn góp giá trị quyền sử dụng đất là 189.793.800.000 VND và góp bằng tiền là 79.033.520.990 VND;
- Hình thức góp vốn:
 - + Theo cam kết trong hợp đồng, Công ty sẽ góp 51.054.259.967 VND. Trong đó, giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng lô đất là 36.060.822.000 VND và giá trị vốn bằng tiền là 14.993.437.967 VND tương ứng với tỷ lệ 19% khoản vốn góp bằng tiền vào dự án;
 - + Ngày 18/01/2015, Công ty đã ký kết Phụ lục số 03 kèm theo của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD với TID để rút một phần vốn góp với giá trị 13.953.720.233 VND khỏi dự án dẫn đến tỷ lệ vốn bằng tiền còn lại là 1,6% và tổng giá trị vốn góp còn lại tại Dự án là 37.100.539.734 VND;
- Phân chia lợi ích: Công ty được chia 1,6% lợi nhuận kinh doanh từ khai thác dự án;
- Thanh toán:
 - + Công ty đã nhận chuyển nhượng 154m2 phần diện tích khu dịch vụ thương mại trị giá 3.527.682.675 VND từ TID theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP/HĐ/TID-PVFC Land ký ngày 18/01/2017. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu (khoản rút vốn 13.953.720.233 VND đã nêu trên, thực thu về bằng tiền là 10.426.037.558 VND).
 - + Ngày 23/12/2022, Công ty đã nhận 3 căn hộ trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và

4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu.
- Tình trạng dự án: Tính đến 30/06/2023, Dự án Dolphin Plaza chưa bán hết các căn hộ và chưa quyết toán. Vì vậy, Công ty chưa nhận được kết quả phân chia chính thức từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	1.646.097.686	1.646.097.686	1.690.554.984	1.690.554.984
Công ty CP Địa ốc Phú Long	341.888.027	341.888.027	341.888.027	341.888.027
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.304.209.659	1.304.209.659	1.346.036.857	1.346.036.857
Ban điều hành phía Nam - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	-	2.630.100	2.630.100
<i>Bên khác</i>	27.429.524.208	27.429.524.208	29.777.570.950	29.777.570.950
Công ty CP TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thiết Bị điện Hùng Vương	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng 769	333.543.667	333.543.667	997.650.884	997.650.884
Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại dịch vụ Lâm Hải	1.625.272.010	1.625.272.010	1.675.272.010	1.675.272.010
Các đối tượng khác	13.571.600.677	13.571.600.677	15.205.540.202	15.205.540.202
	29.075.621.894	29.075.621.894	31.468.125.934	31.468.125.934
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thiết Bị điện Hùng Vương	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396
Ban Điều Hành DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.304.209.659	1.304.209.659	1.346.036.857	1.346.036.857
Các đối tượng khác	11.454.419.095	11.454.419.095	15.630.913.644	15.630.913.644
	24.657.736.608	24.657.736.608	28.876.058.355	28.876.058.355

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.044.800	-	-	-	85.044.800	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.170.455	56.473.715	51.518.883	-	70.125.287
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	6.788.250	34.343.129	41.131.379	-	-
	85.044.800	71.958.705	90.816.844	92.650.262	85.044.800	70.125.287

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Bất động Sản Trần Anh Long An	6.329.410.934	6.329.410.934
Công ty CP Điện và Tự động hóa Đà Nẵng	-	4.117.672.664
	6.329.410.934	10.447.083.598

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí các dự án, công trình xây dựng	4.663.479.514	4.663.479.514
Chi phí khác	61.664.000	85.700.000
	4.725.143.514	4.749.179.514

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	324.137.431	308.361.992
Bảo hiểm xã hội	406.840.354	141.176.941
Bảo hiểm y tế	90.535.500	42.952.500
Bảo hiểm thất nghiệp	39.758.000	18.865.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	639.563.636	502.963.636
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.130.696.514	46.246.739.153
- Tiền cổ tức phải trả (1)	45.362.511.161	45.362.511.161
- Nhận tiền ủy thác mua cổ phiếu (2)	300.000.000	300.000.000
- Các khoản phải trả khác	468.185.353	584.227.992
	47.631.531.435	47.261.059.222
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Tiền cổ tức phải trả	45.362.511.161	45.362.511.161
	45.362.511.161	45.362.511.161

(1) Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 15/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 đã thông qua tờ trình số 05/TTr-DKĐĐ-HĐQT của hội đồng quản trị ngày 21/03/2023 về việc không chi trả cổ tức và trích lập quỹ năm 2022. Theo đó, công ty đã gia hạn thời gian chi trả cổ tức thêm 2 năm tức năm 2025.

(2) Chi tiết đã được trình bày tại thuyết minh số 4b.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Tầng 2, tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

19 VAY NGÂN HẠN

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	769.737.695	-	769.737.695	769.737.695
	-	-	769.737.695	-	769.737.695	769.737.695

Hợp đồng vay giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Công ty CP Dầu khí Đông Đô có lãi suất 12%, thời hạn cho vay 6 tháng, hình thức đảm bảo là tín chấp, với mục đích bổ sung vốn lưu động.

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	500.000.000.000	-	18.344.727.377	-	5.531.782.406	(298.503.115.261)	225.373.394.522	3.450.361.079	225.373.394.522
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	3.450.361.079	-	-	3.450.361.079
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000	-	18.344.727.377	-	5.531.782.406	(295.052.754.182)	228.823.755.601	-	228.823.755.601
Số dư đầu kỳ này	500.000.000.000	-	18.344.727.377	-	5.531.782.406	(296.644.862.060)	227.231.647.723	(2.585.610.791)	227.231.647.723
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	(2.585.610.791)	-	-	(2.585.610.791)
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000	-	18.344.727.377	-	5.531.782.406	(299.230.472.851)	224.646.036.932	-	224.646.036.932



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	174.334.750.000	34,87%	174.334.750.000	34,87%
Công ty CP Địa ốc Phú Long	33.960.000.000	6,79%	33.960.000.000	6,79%
Các cổ đông khác	291.705.250.000	58,34%	291.705.250.000	58,34%
	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	45.362.511.161	45.362.511.161
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	45.362.511.161	45.362.511.161

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.344.727.377	18.344.727.377
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.531.782.406	5.531.782.406
	23.876.509.783	23.876.509.783

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.730.093.966	548.727.273
Từ 1 năm đến 5 năm	4.415.963.637	634.500.000

22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	-	8.504.480.000
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.087.592.390	13.194.416.928
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà ở	813.848.114	444.718.925
Doanh thu khác	1.165.856.456	67.417.092

10.067.296.960

22.211.032.945

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

1.447.109.571

7.136.689.620

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán bất động sản	-	4.373.120.000
Giá vốn hoạt động xây lắp	8.617.645.473	12.165.930.226
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà ở	437.056.538	178.952.686
Giá vốn khác	1.088.188.312	59.758.060

10.142.890.323

16.777.760.972

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
Tổng giá trị mua vào:
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)

14.350.406

462.097.405

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.216.292.260	1.588.335.436

2.216.292.260

1.588.335.436

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.953.825	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	83.015.908
	4.953.825	83.015.908

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.810.775.867	2.697.034.812
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	34.843.464	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.266.457	328.650.739
Thuế, phí và lệ phí	9.080.000	4.000.000
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(500.000.000)	(2.000.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.542.103	706.905.568
Chi phí khác bằng tiền	449.841.375	1.257.671.554
	4.643.349.266	2.994.262.673

27 CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền chậm nộp bảo hiểm	32.515.854	382.243.056
	32.515.854	382.243.056

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(2.585.610.791)	3.450.361.079
Các khoản điều chỉnh tăng	32.515.854	382.243.056
- <i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	32.515.854	382.243.056
Chuyển lỗ	-	(3.832.604.135)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(85.044.800)	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(82.627.200)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(85.044.800)	(82.627.200)

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(2.585.610.791)	3.450.361.079
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.585.610.791)	3.450.361.079
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(52)	69

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	891.389.533	-
Chi phí nhân công	4.483.668.675	4.747.703.447
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	116.085.741	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	808.377.236	507.603.425
Thuế, phí và lệ phí	9.080.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	(500.000.000)	(2.000.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.356.324.488	9.069.236.539
Chi phí khác bằng tiền	480.369.244	1.520.553.655
	10.645.294.917	13.849.097.066

32 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Chi nhánh phía Bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Ban điều hành các dự án PVC phía Nam - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Song Kim	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Địa ốc Phú Long	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc	Cổ đông sáng lập

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	1.447.109.571	7.136.689.620
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.447.109.571	7.136.689.620
Mua hàng hóa dịch vụ	14.350.406	462.097.405
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	14.350.406	462.097.405

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	206.227.703	201.032.830
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	218.354.850	213.373.722
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	180.516.280	177.824.453
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên HĐQT	27.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên HĐQT	27.000.000	-
Ông Ngô Duy Chính	Phó giám đốc	165.575.512	159.380.592
Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban Kiểm soát	157.312.103	153.068.411
Bà Lê Thị Hải Hà	Kiểm soát viên	13.500.000	-
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Kiểm soát viên	3.300.000	-
Ông Bùi Hồng Thái	Kế toán trưởng	163.828.761	151.350.200

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu




Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng

Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023